

Số: 52 /2019/QĐ-UBND

Hải Phòng, ngày 26 tháng 12 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định cụ thể về thực hiện chính sách khuyến khích
phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm
nông nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 170/TTr-SNN ngày 03 tháng 10 năm 2019, Báo cáo số 413/BC-SNN ngày 06 tháng 11 năm 2019, Báo cáo thẩm định số 53/BCTĐ-STP ngày 23 tháng 9 năm 2019 của Sở Tư Pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định cụ thể về thực hiện chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản, lâm nghiệp trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nông dân, chủ trang trại, người được ủy quyền đối với hộ nông dân, tổ hợp tác.
2. Cá nhân, người được ủy quyền đối với nhóm cá nhân, hộ gia đình đăng ký hộ kinh doanh.
3. Hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã.
4. Doanh nghiệp.
5. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong việc thực hiện liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

Điều 3. Phân cấp phê duyệt hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết

1. Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt hỗ trợ:



a) Các dự án, kế hoạch liên kết do chủ trì liên kết xây dựng để triển khai thực hiện sản xuất cùng lúc một ngành hàng, sản phẩm trên địa bàn của 02 huyện, quận trở lên;

b) Các dự án, kế hoạch liên kết do chủ trì liên kết xây dựng để triển khai thực hiện sản xuất cùng lúc một ngành hàng, sản phẩm trên địa bàn một huyện, quận có quy mô vốn đầu tư từ 5 tỷ đồng trở lên.

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt hỗ trợ các dự án, kế hoạch liên kết có phạm vi thực hiện giới hạn trong một huyện, quận có quy mô vốn đầu tư dưới 5 tỷ đồng.

Điều 4. Các ngành hàng, sản phẩm khuyến khích

1. Danh mục các ngành hàng khuyến khích, ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm: Chi tiết tại phụ lục số 1 kèm theo.

2. Danh mục các sản phẩm khuyến khích, ưu tiên thực hiện liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm: Chi tiết tại phụ lục số 2 kèm theo.

Điều 5. Nguồn kinh phí hỗ trợ liên kết

Nguồn kinh phí thực hiện theo các kế hoạch, chương trình, dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới; Chương trình mục tiêu tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư; các chương trình, dự án về khuyến nông và nguồn vốn từ các chương trình, dự án hợp pháp khác.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

a) Chủ trì thực hiện những nhiệm vụ được giao tại Quyết định này;

b) Xây dựng các mô hình thí điểm liên kết sản xuất và tiêu thụ gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới;

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường nông thôn trong các hoạt động hợp tác, liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn thành phố;

d) Theo dõi, tổng hợp, kiểm tra và báo cáo tình hình thực hiện Quyết định này.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, cân đối, lồng ghép nguồn vốn đầu tư từ ngân sách thành phố hỗ trợ cho liên kết theo quy định.

3. Sở Tài chính.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, cân đối, lồng ghép nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách thành phố hỗ trợ cho liên kết theo quy định.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường.

Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường trong hoạt động hợp tác liên kết và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn thành phố.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, quận.

a) Lựa chọn, rà soát, đề xuất với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp bổ sung các ngành hàng, sản phẩm quan trọng cần khuyến khích và ưu tiên hỗ trợ thực hiện liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm để trình Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt và thông báo công khai trên địa bàn thành phố.

b) Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch, hướng dẫn, tổ chức thực hiện và kiểm tra tình hình thực hiện trên địa bàn huyện, quận.

c) Báo cáo định kỳ hàng năm với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 7. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 01 năm 2020.

Điều 8. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc các Sở, ban ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ NN&PTNT;
- Cục kiểm tra VBQP-L-BTP
- TTTU, TT HĐND TP;
- Đoàn ĐBQH TP Hải Phòng;
- CT, các PCT UBND TP;
- Sở Tư pháp;
- Báo Hải Phòng;
- Cổng Thông tin điện tử thành phố;
- Đài PTTHHP;
- Công báo thành phố;
- Như Điều 3;
- CV: NN, NC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tùng

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC CÁC NGÀNH HÀNG KHUYẾN KHÍCH VÀ ƯU TIÊN
ĐƯỢC HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 98/2018/NĐ-CP

*Ban hành kèm theo Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng*

| STT | Các ngành hàng |
|-----|---|
| 01 | Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thủy sản tập trung; khai thác, chế biến thủy sản. |
| 02 | Sản xuất, phát triển giống cây trồng, giống vật nuôi, giống cây lâm nghiệp, giống thủy sản. |
| 03 | Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa và các công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển trong sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản. |
| 04 | Sản xuất nguyên liệu và chế biến thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản, chế phẩm sinh học. |
| 05 | Chế biến, bảo quản nông, lâm, thủy sản, dược liệu. |
| 06 | Sản xuất thuốc, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, sản phẩm xử lý, cải tạo môi trường trong chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản. |
| 07 | Đầu tư mới, cải tạo, nâng cấp cơ sở giết mổ, bảo quản chế biến gia súc, gia cầm tập trung. |

PHỤ LỤC 2**DANH MỤC CÁC SẢN PHẨM KHUYẾN KHÍCH VÀ ƯU TIÊN
ĐƯỢC HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 98/2018/NĐ-CP**

*Ban hành kèm theo Quyết định số 52/2019/QĐ-UBND ngày 26 tháng 12 năm 2019
của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng*

| TT | Danh mục |
|------------|--|
| I | Trồng trọt |
| 1 | Cây lương thực: |
| 1.1 | Lúa: Lúa giống, lúa chất lượng cao. |
| 1.2 | Ngô: Ngô giống, ngô thương phẩm, ngô sinh khối (phục vụ chăn nuôi). |
| 2 | Cây ăn quả: Ổi, Đu đủ, Chuối, Vải, Nhãn, Na, Dưa hấu; Cam Gia Luận. |
| 3 | Cây rau (<i>sản xuất theo GlobalGAP, VietGAP.....</i>). |
| 3.1 | Cây rau ăn quả: Cà chua, Bí xanh, Bí đỏ, Bí ngòi, Dưa chột, Dưa lưới, Đậu tương rau, Đậu bắp, Đậu cô ve, Ngô bao tử, Ớt, Bầu, Mướp. |
| 3.2 | Cây rau ăn củ: Khoai tây, Củ cải, Hành tây, Cà rốt, Hành tím, Khoai môn tím, Su hào, Khoai lang. |
| 3.3 | Cây rau ăn lá: Cải kale, Cải bắp, Súp lơ, rau Spinach, Cần tây, rau má, Cải ăn lá, Hành paro. |
| 3.4 | Các loại rau gia vị |
| 4 | Cây khác: Thuốc lá, Nấm. |
| 5 | Hoa - Cây cảnh |
| II | Chăn nuôi |
| 1 | Gia súc: Bò, Trâu, Lợn, Dê, Thỏ. |
| 2 | Gia cầm: Gà, trứng gà, vịt trứng vịt, Ngan, bồ câu, Chim Cút. |
| III | Thủy sản: |
| 1 | Con giống; thương phẩm: cá song, cá giò, cá vược; cá nước ngọt. |
| 2 | Nhóm giáp xác: Con giống; thương phẩm: Cua, Tôm sú, Tôm thẻ, Tôm càng xanh. |
| 3 | Nhóm động vật thân mềm: Ngao, Sò, Hàu, Ốc; Mực khai thác. |
| 4 | Rau câu chỉ vàng, Rong biển các loại. |
| IV | Động vật lưỡng cư: Ếch. |
| V | Nhóm bò sát: Ba ba nước ngọt. |
| VI | Chế biến: Cá mòi kho, Bánh đa kinh giao, nem chua, Mật ong, rượu gạo. |